

Số: 08/2025/QĐST-VDS

Hiệp Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân H pháp**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-VDS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân H pháp” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2025/QĐST-VDS ngày 18 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn H - Sinh ngày 10/9/1981 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Chị Ngô Thị H - Sinh ngày 19/5/1989 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Ni, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 02 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết anh Trần Văn H, chị Ngô Thị H trình bày:

Ngày 22/02/2006 vợ chồng anh Trần Văn H, sinh ngày 10/9/1981 và chị Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/1989 cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Thời điểm đi đăng ký kết hôn thì chỉ có anh Trần Văn H xuất trình giấy chứng minh nhân dân còn chị Ngô Thị H thì không mang theo giấy tờ gì. Chị Ngô Thị H thực tế sinh ngày 19/5/1989, nhưng do không đủ tuổi đăng ký kết hôn nên tự khai là sinh ngày 04/01/1989 để đảm bảo cho việc đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, cán bộ tư pháp xã cũng không yêu cầu vợ anh xuất trình giấy chứng minh nhân dân mà chỉ tự khai và ký tên vào sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã.

Sau khi đăng ký kết hôn thì anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau tại thôn Ninh Tào, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Từ đó đến nay anh chị vẫn chung sống hạnh phúc với nhau nhưng anh chị cũng nhận thức việc đăng ký kết hôn của mình là trái quy định pháp luật. Do đó, để có cơ sở điều chỉnh hồ sơ đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật, anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh chị vào ngày 22/02/2006 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang và công nhận hôn nhân của anh chị H pháp kể từ thời điểm chị Ngô Thị H đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:

Việc đăng ký kết hôn của anh Trần Văn H, sinh ngày 10/01/1981 và chị Ngô Thị H, sinh ngày 04/01/1989 được ghi nhận trong sổ Đăng ký kết hôn tại số 09, quyển số 01/2009, ngày đăng ký 22/02/2006. Qua kiểm tra hiện nay hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H UBND xã H không còn lưu trữ được, chỉ còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn. Trong sổ đăng ký kết hôn có thể hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn có chữ ký của người vợ và người chồng. UBND xã H nhất trí với quan điểm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không có kiến nghị vi phạm gì.

Về nội dung giải quyết việc dân sự:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ khoản 2 Điều 11, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 quyển số 01/2006 ngày 22/02/2006 của UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Công nhận hôn nhân của anh Trần Văn H, sinh ngày 10/09/1981 và chị Ngô Thị H, sinh ngày 19/05/1989 là H pháp kể từ ngày 19/5/2007.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn H, chị Ngô Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004550 ngày 03/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân H pháp. Anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hiệp Hòa nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là việc hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

Tại phiên họp, người yêu cầu là anh Trần Văn H, chị Ngô Thị H, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã H đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, xét việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ việc, căn cứ vào khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Thẩm phán tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, thấy rằng anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/02/2006 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang, tại giấy đăng ký kết hôn số 09 quyển số 01/2006. Theo sổ đăng ký kết hôn thì xác định họ tên chồng là Trần Văn H, sinh ngày 10/01/1981, họ tên vợ là Ngô Thị H, sinh ngày 04/01/1989. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do người yêu cầu cung cấp cho Tòa án: Giấy khai sinh của chị Ngô Thị H, căn cước công dân của chị Ngô Thị H, biên bản lấy lời khai, giấy chứng nhận hoàn thành

chương trình lớp học; và các tài liệu có trong hồ sơ xác định chị Ngô Thị H có họ và tên đầy đủ là Ngô Thị H, sinh ngày 19/05/1989.

Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về điều kiện kết hôn, trong đó quy định điều kiện về độ tuổi thì “nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 22/02/2006 chị Ngô Thị H, sinh ngày 19/05/1989 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, vi phạm vào Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Nay anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật vào ngày 22/02/2006 là có căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên cần được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu công nhận hôn nhân H pháp: Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và trong quá trình giải quyết anh Trần Văn H, chị Ngô Thị H xác định từ thời điểm đăng ký kết hôn đến nay anh chị vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có con chung. Anh Trần Văn H, chị Ngô Thị H đều có yêu cầu công nhận hôn nhân của anh chị là H pháp kể từ thời điểm chị Ngô Thị H đủ điều kiện đăng ký kết hôn là ngày 19/5/2007.

Xét thấy tại thời điểm ngày 19/5/2007, anh Trần Văn H đã 26 tuổi và chị Ngô Thị H đã 18 tuổi. Như vậy, anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H đã đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2 Điều 11, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định luật Hôn nhân và gia đình, công nhận hôn nhân H pháp của anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H kể từ thời điểm chị Ngô Thị H đủ điều kiện đăng ký kết hôn là ngày 19/5/2007 là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tại phiên họp là có căn cứ, phù H với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Văn H, chị Ngô Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ khoản 2 Điều 11, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Văn H và chị Ngô Thị H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 quyển số 01/2006 ngày 22/02/2006 của UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Công nhận hôn nhân của anh Trần Văn H, sinh ngày 10/09/1981 và chị Ngô Thị H, sinh ngày 19/05/1989 là H pháp kể từ ngày 19/5/2007.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn H, chị Ngô Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004550 ngày 03/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết H lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 15-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (Ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-HNGĐ”).
- (3) Ghi số, năm, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự.
- (4) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (5) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (6) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(7) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn yêu cầu).

(8) Chỉ ghi khi có người đại diện H pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có); ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1 : Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, địa chỉ... là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(9) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích H pháp cho người yêu cầu nào.

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi họ tên, địa chỉ của những người tham gia tố tụng khác (nếu có).